VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

LÊ THỊ HỒNG NHUNG

ĐÌNH TRONG ĐỜI SỐNG VĂN HÓA - XÃ HỘI CỦA CƯ DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH HIỆN NAY

(Nghiên cứu trường hợp đình Tân Thới Nhì, Hóc Môn và đình Phong Phú, Thủ Đức)

Ngành: Văn hóa học
Mã số: 9 22 90 40

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ VĂN HÓA HỌC

HÀ NỘI, 2026

CÔNG TRÌNH ĐƯỢC HOÀN THÀNH TẠI

HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

Người hướng dẫn khoa học: **1. PGS.TS. Hoàng Cầm**

2. GS.TS. Lê Hồng Lý

Phản biện 1: **PGS.TS. Vũ Thị Phương Hậu**

Phản biện 2: **GS.TS. Nguyễn Thị Hiền**

Phản biện 3: **TS. Hồ Thị Thanh Nga**

Luận án được bảo vệ trước Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp Học viện tại Học viện Khoa học Xã hội

Vào hồi……giờ……ngày……tháng……năm 202

Cụ thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam;
- Thư viện Học viện Khoa học xã hôi

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Ở Việt Nam, đình là thiết chế văn hóa, xã hội và tâm linh tiêu biểu của làng xã người Việt. Đình vừa là nơi thờ Thành hoàng, tổ chức tế lễ, lễ hội vừa là trung tâm tự quản, nơi bàn bạc việc chung. Đình gắn với ký ức quê hương, ý thức thuộc về và trở thành điểm quy chiếu trong cách người dân lý giải thế giới.

Từ nửa sau thế kỷ XX, các điều kiện làm nên vị trí ấy thay đổi lớn. Trong thời kỳ xây dựng xã hội chủ nghĩa, đình mất chức năng quản trị, nghi lễ bị xem là mê tín, gắn với trật tự xã hội cũ nên nhiều lễ hội bị hạn chế, nhiều đình chuyển công năng. Tuy vậy, quan điểm này không phải chủ lưu xuyên suốt của Nhà nước: Sắc lệnh 65 (1945), Nghị định 519-TTg (1957) và Pháp lệnh 1984 đều bảo vệ di tích. Việc đình bị tháo dỡ, bỏ hoang có nhiều nguyên nhân đan xen: tiêu thổ kháng chiến, chiến tranh, khó khăn thời bao cấp và cách làm cứng nhắc ở một số nơi. Từ Đổi mới, nhất là sau Nghị quyết TW 5 khóa VIII (1998), tín ngưỡng phục hồi và đình được nhìn nhận như di sản. Song đình trở lại trong một môi trường đô thị hóa mạnh, đặc biệt ở TPHCM, nơi cơ cấu dân cư, sinh kế và quan hệ xã hội đã biến đổi sâu sắc.

Sự tiếp nối của đình không phải là sức sống dai dẳng hay phục hồi nguyên vẹn của truyền thống, mà là quá trình lựa chọn, điều chỉnh, tái cấu trúc. Nội dung luận án tìm hiểu vị trí, chức năng, ý nghĩa của đình trong đời sống cư dân TPHCM, qua đó đóng góp vào thảo luận về tiếp nối và biến đổi văn hóa, việc sử dụng nguồn lực truyền thống cho nhu cầu hiện tại và sự duy trì quan hệ xã hội trong một thế giới đang thay đổi.

Lý do chọn đình Phong Phú và đình Tân Thới Nhì làm trường hợp nghiên cứu: Cả hai ngôi đình đều từng trải qua những đứt đoạn: đình Phong Phú bị tháo dỡ thời kháng chiến rồi được người dân dựng lại; đình Tân Thới Nhì bị chuyển đổi công năng sau năm 1975 trước khi các bô lão và người dân từng bước khôi phục. Nay, dù nằm giữa những khu vực đô thị hóa mạnh, cả hai vẫn duy trì đời sống thờ tự, tế lễ và sự tham gia của cộng đồng. Hai trường hợp này vì thế cho phép xem xét cụ thể cách một thiết chế từng giữ vị trí trung tâm của xã hội làng được tiếp nối và tái cấu trúc trong đời sống đô thị.

Vấn đề còn có ý nghĩa thực tiễn, bởi đình hiện vừa là không gian tín ngưỡng, sinh hoạt cộng đồng, vừa là đối tượng của quản lý văn hóa, bảo tồn

di tích và di sản hóa. Nếu chỉ được nhìn như một công trình kiến trúc hay dấu tích quá khứ, những thực hành và quan hệ xã hội đang làm nên ý nghĩa của đình dễ bị gạt ra ngoài công tác bảo tồn. Tiếp cận đình từ đời sống của những người đang sử dụng, chăm sóc và tham gia hoạt động tại đình vì vậy giúp quản lý và bảo tồn có cái nhìn đầy đủ hơn. Bảo tồn và phát huy đình, cũng như các thiết chế văn hóa - tín ngưỡng nói chung, không chỉ là giữ lại một công trình của quá khứ, mà còn là hiểu những quá trình xã hội đang giúp công trình ấy tiếp tục sống trong hiện tại.

Chính từ những lý do nêu trên, NCS quyết định lựa chọn đề tài "*Đình trong đời sống văn hóa - xã hội của cư dân TPHCM (nghiên cứu trường hợp đình Tân Thới Nhì, Hóc Môn và đình Phong Phú, Thủ Đức)"* làm vấn đề nghiên cứu cho luận án. Sự lựa chọn này không chỉ bắt nguồn từ những ấn tượng có được qua những lần tiếp xúc với đình Phong Phú và đình Tân Thới Nhì, mà còn từ một vấn đề có ý nghĩa rộng hơn của ngành nghiên cứu văn hoá và nhân học.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1 Mục đích nghiên cứu

Luận án hướng tới tìm hiểu cách ngôi đình, với tư cách là một thiết chế văn hóa - tín ngưỡng truyền thống, tiếp tục được duy trì và tái định vị trong đời sống đô thị đương đại ở TPHCM, thông qua nghiên cứu hai trường hợp điển hình. Trên cơ sở khảo sát các thực hành thờ tự, nghi lễ, sinh hoạt cộng đồng và quá trình di sản hóa, luận án phân tích cách các chủ thể khác nhau tham gia duy trì, diễn giải và tái định hình ý nghĩa của ngôi đình. Qua đó làm rõ sự tiếp nối, biến đổi và thương thỏa về vị trí, vai trò của đình trong bối cảnh những điều kiện kinh tế, xã hội và văn hóa từng làm nên vị trí của thiết chế này đã thay đổi sâu sắc. Từ đó, luận án góp phần làm sáng tỏ cách các thiết chế văn hóa - tín ngưỡng truyền thống tiếp tục hiện diện, tái tạo và mang những ý nghĩa mới trong đời sống của con người giữa những chuyển biến của quá trình đô thị hóa và biến đổi xã hội đương đại.

2.2 Nhiệm vụ nghiên cứu

- Khái quát quá trình hình thành, phát triển của hệ thống đình làng TPHCM.
- Khảo sát sự vận hành thực tế của đình trong đời sống văn hóa - xã hội đương đại.
- Phân tích quá trình tiếp nối và tái cấu trúc của đình: làm rõ sự thay đổi chức năng, sự mở rộng của các nhóm chủ thể tham gia, sự biến đổi nghi

lễ và lý giải nguyên nhân đình vẫn duy trì sức sống mạnh mẽ.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1 Đối tượng nghiên cứu

Sự vận hành, biến đổi, vai trò và chức năng của đình trong đời sống văn hóa - xã hội của cư dân TPHCM hiện nay, tập trung vào hai trường hợp nghiên cứu điển hình.

3.2 Phạm vi nghiên cứu

Không gian: TPHCM (trước sáp nhập), tập trung tại hai địa bàn Hóc Môn và TP. Thủ Đức.

Thời gian: Tập trung vào giai đoạn từ sau Đổi mới (1986) đến nay.

Nội dung: tìm hiểu chức năng, vai trò, các thực hành tín ngưỡng và sinh hoạt xã hội của ngôi đình đô thị.

4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Phương pháp luận

Địa bàn nghiên cứu: Luận án được thực hiện tại TP.HCM (trước sáp nhập), tập trung vào hai trường hợp cụ thể: đình Phong Phú (phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức) và đình Tân Thới Nhì (thị trấn Hóc Môn, huyện Hóc Môn).

Việc so sánh hai trường hợp giúp nghiên cứu sự tiếp nối và biến đổi của đình trong xã hội đô thị. Dù có điểm tương đồng về lịch sử lâu đời và chịu tác động của đô thị hóa, mỗi đình lại có điều kiện lịch sử, thành phần dân cư và cách tổ chức khác nhau. Đặt hai trường hợp cạnh nhau nhằm nhận diện các cách thức duy trì, điều chỉnh và tái cấu trúc đình trong từng bối cảnh cụ thể, thay vì tìm kiếm một mô hình chung.

Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp tổng hợp, phân tích tài liệu.

Phương pháp điền dã dân tộc học: Quan sát tham dự, phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm.

5. Đóng góp mới của luận án

Luận án là nghiên cứu chuyên sâu, tiếp cận đình không chỉ như thiết chế tín ngưỡng/di sản mà trong mối quan hệ cụ thể với đời sống cư dân đô thị. Qua đó bổ sung luận cứ cho nghiên cứu văn hóa học về sự tiếp nối, tái cấu trúc thiết chế truyền thống trong đô thị.

Luận án cung cấp tư liệu mới về biến đổi văn hóa và quan hệ văn hóa - kinh tế thời kỳ Đổi mới, chỉ ra đình làng truyền thống đang phục hồi, phát triển và khẳng định vai trò qua những hình thức thể hiện mới trong đời sống

đô thị.

Qua khảo sát, luận án cho thấy chức năng tín ngưỡng của đình đã vượt ra ngoài phạm vi cộng đồng làng gốc. Từ đó cho thấy văn hóa đình làng vẫn đáp ứng được nhiều ước vọng mới của người dân đô thị. Qua kết quả nghiên cứu, luận án chỉ ra những chức năng mới của ngôi đình đô thị và những yếu tố giúp cho hình thức tín ngưỡng truyền thống tiếp tục tồn tại trong xã hội đã có nhiều thay đổi.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn

6.1 Ý nghĩa lý luận

Luận án góp phần làm rõ vai trò của đình trong xã hội đô thị TPHCM và những yếu tố làm biến đổi chức năng của đình. Qua đó, luận án đóng góp vào vấn đề lý luận của Văn hóa học về biến đổi văn hóa từ xã hội cổ truyền sang hiện đại, cũng như vào công tác bảo tồn, phát huy và quản lý các thiết chế văn hóa cổ truyền.

6.2 Ý nghĩa thực tiễn

Luận án cung cấp cơ sở khoa học cho việc quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị đình làng trong bối cảnh đô thị hóa ở TPHCM. Kết quả nghiên cứu làm rõ cách vận hành của thiết chế tín ngưỡng cộng đồng trong chuyển đổi KT - XH và vai trò gắn kết cộng đồng của đình, gợi ý chính sách bảo tồn di tích gắn với đời sống cư dân. Luận án còn là tài liệu tham khảo về tín ngưỡng, lễ hội cộng đồng và biến đổi văn hóa.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Tài liệu tham khảo và Phụ lục, luận án được bố cục thành 4 chương:

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu và cơ sở lý luận.

Chương 2: Đình Tân Thới Nhì và đình Phong Phú trong tiến trình hình thành và biến đổi của đình làng ở Thành phố Hồ Chí Minh.

Chương 3: Thờ tự và các thực hành tín ngưỡng tại đình Tân Thới Nhì và đình Phong Phú.

Chương 4: Đình Tân Thới Nhì và đình Phong Phú trong đời sống đô thị đương đại: Tiếp nối, tái cấu trúc và thích ứng.

Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ CƠ SỞ LÝ LUẬN

Chương này tập trung tổng quan và thảo luận các công trình nghiên cứu có liên quan đến đình làng, từ những nghiên cứu về lịch sử hình thành, kiến trúc, thờ tự, nghi lễ và lễ hội đến những nghiên cứu xem xét vị trí, chức năng và sự biến đổi của đình trong đời sống xã hội.

1.1 Tổng quan tình hình nghiên cứu

Đình làng giữ vị trí và vai trò đặc biệt quan trọng trong đời sống văn hóa - xã hội của cư dân Việt, do đó đình và các hoạt động liên quan là đối tượng nghiên cứu thu hút sự quan tâm của đông đảo giới nghiên cứu trong và ngoài nước với nhiều hướng nghiên cứu tiếp cận đa dạng.

Các công trình nghiên cứu về đình nói chung (Paul Giran, Nguyễn Văn Huyên, Phan Kế Bính, Hà Văn Tấn, Nguyễn Văn Cự) làm rõ ngôi đình là trung tâm hành chính, tâm linh và văn hóa của làng xã truyền thống. Nghiên cứu quốc tế (Kirsten W. Endres, Stefanie Scott, Lương Văn Hy, Kai Århem) phân tích quản trị đất đai, quan hệ quyền lực, yếu tố giới và tính liên tục cộng đồng. Nghiên cứu về kiến trúc (Lương Đức Thiệp, Kim Định, Phạm Đăng Nhật Thái, Trần Thành Nhân) khẳng định tính phân hóa loại hình theo vùng miền và biểu tượng triết học của ngôi đình.

Nhóm công trình nghiên cứu về đình làng Nam Bộ và TPHCM (Trịnh Hoài Đức, Phan Huy Chú, Huỳnh Ngọc Trảng, Sơn Nam, Quách Thu Nguyệt, Lê Sơn, Trần Ngọc Khánh) khẳng định quá trình lập đình gắn với khẩn hoang, xác lập chủ quyền và kết nối di dân, cấu trúc mở, hệ thống thờ tự đa thần.

Các công trình nghiên cứu về đình làng trong bối cảnh biến đổi tôn giáo, tín ngưỡng đương đại: Sự phục hồi thực hành tâm linh sau Đổi mới đi kèm xu hướng "thế tục hóa", "nhà nước hóa" và đan xen động cơ kinh tế (Nguyễn Thị Phương Châm, Lê Hồng Lý); Diễn ngôn chính sách Nhà nước chuyển từ việc xem nghi lễ là "hủ tục" sang nhìn nhận tín ngưỡng là "bản sắc văn hóa" và "nguồn lực nội sinh" (Trần Quốc Vượng, Kirsten W. Endres, Philip Taylor, Ngô Thị Diễm Hằng, Oscar Salemink); Thực hành tín ngưỡng gia tăng nhằm giải tỏa bất an trong kinh tế thị trường ("giao dịch tâm linh") (Philip Taylor, Oscar Salemink, John Kleinen); Tín ngưỡng đình làng chuyển đổi thích ứng: tăng chức năng tương tế - tang quyền, đáp ứng nhu cầu cảm thức thuộc về của người di cư (Đinh Thị Hòa, Nguyễn Thị Yên); cấu trúc quyền lực giảm tính đóng, tăng sự tham gia của phụ nữ

(Phan Thanh Tá); tái diễn giải giá trị truyền thống để truyền tải thông điệp xã hội mới (Hoàng Văn Chung).

Nhóm nghiên cứu về di sản hóa thiết chế và thực hành tín ngưỡng (Hoàng Cầm, Oscar Salemink, Hoàng Cầm, Peter Bille Larsen, Nguyễn Thị Phương Châm, Đỗ Thị Thu Hà, Phạm Đặng Xuân Hương) chỉ ra quá trình sân khấu hóa/trình diễn hóa dẫn đến việc tín ngưỡng bị đưa ra khỏi bối cảnh gốc để phục vụ du lịch và công chúng. Quá trình công nhận di sản các cơ sở tín ngưỡng tạo mạng lưới quản lý mới nhưng dễ làm đứt gãy mối liên hệ với cộng đồng địa phương. Cộng đồng chủ động thương lượng, lợi dụng khuôn khổ di sản hoặc khẳng định "chủ thể tính vũ trụ" để bảo vệ bản sắc. Các công nghiên cứu khẳng định sự tham gia của Nhà nước và kinh tế thị trường tạo nên thách thức thương mại hóa, chính trị hóa và xung đột lợi ích trong các hoạt động tín ngưỡng cổ truyền (Hoàng Cầm, Nguyễn Thị Hiền, Phạm Thị Thủy Chung, Nguyễn Ngọc Mai).

Đánh giá chung cho thấy tồn tại một khoảng trống phân tích sâu về biến đổi cấu trúc không gian thiêng tại siêu đô thị như TPHCM, thiếu nghiên cứu đối sánh giữa khu vực đô thị hóa lâu đời (trung tâm) với khu vực mới đô thị hóa (ven đô) và đánh giá toàn diện về thực trạng quản lý và xung đột lợi ích sau khi xếp hạng di sản. Luận án xác định hướng đóng góp mới bằng cách khảo sát đối sánh vi mô giữa đình Phong Phú và đình Tân Thới Nhì.

1.2 Cơ sở lý luận

Nghiên cứu nhìn nhận đình Tân Thới Nhì và đình Phong Phú như những thiết chế văn hóa - tín ngưỡng đang thực sự sống trong hiện tại, thay vì chỉ là tàn tích của xã hội làng truyền thống. Cơ sở lý luận của luận án được tổng hợp từ 3 hướng tiếp cận chính:

- *Sự tiếp nối và tái cấu trúc của thiết chế tín ngưỡng trong bối cảnh hiện đại hóa và đô thị hóa:* Kế thừa góc nhìn của Bruno Latour (*We Have Never Been Modern*) và Philip Taylor, luận án bác bỏ quan điểm hiện đại hóa tất yếu dẫn đến thế tục hóa hay suy giảm tôn giáo. Ngược lại, đô thị hóa và kinh tế thị trường tạo ra nguồn lực, nhu cầu và điều kiện mới để tín ngưỡng dân gian tiếp tục tái tạo và phục hồi (như các nghiên cứu của Lê Hồng Lý, Đỗ Thị Thu Hà).

- *Vai trò của chủ thể và các thực hành tín ngưỡng trong đời sống đương đại:* Dựa trên nghiên cứu của Kirsten W. Endres, luận án xem sự tiếp nối của đình là một *quá trình xã hội* liên tục được thương lượng và tái cấu trúc. Việc duy trì không đồng nghĩa với bảo lưu nguyên trạng, mà là sự điều

chỉnh để tạo ra những ý nghĩa mới phù hợp với bối cảnh đô thị.

- *Di sản hóa và sự tái định vị của đình trong quan hệ giữa Nhà nước và cộng đồng:* Một chiều cạnh lý luận quan trọng của luận án là tiếp cận di sản hóa của Laurajane Smith (2006) trong *The Use of Heritage*, đặc biệt là khái niệm "diễn ngôn di sản được ủy quyền" (*authorized heritage discourse*). Theo Smith, di sản không mang giá trị cố định mà được lựa chọn, diễn giải và xác lập trong hiện tại thông qua các diễn ngôn và thực hành xã hội. Cách tiếp cận này giúp luận án xem xét việc xếp hạng đình không chỉ là sự công nhận hành chính mà còn làm thay đổi vị thế, giá trị và các quan hệ xã hội xung quanh đình. Di sản hóa vừa đem lại nguồn lực, tính chính danh và sự bảo vệ, vừa đặt ra những tiêu chuẩn mới về bảo tồn và thực hành tín ngưỡng. Kết hợp với nghiên cứu của Endres về đình Đại Bái, luận án nhấn mạnh quan hệ nhà nước - cộng đồng không đơn thuần là áp đặt hay tiếp nhận thụ động, mà là quá trình thương lượng, thích ứng và tận dụng các thiết chế quản lý để duy trì, tái định vị đời sống đình.

Trên cơ sở đó, luận án tập trung vào ba chiều cạnh có quan hệ chặt chẽ với nhau, bao gồm: 1) là sự tiếp nối và tái cấu trúc của đình trong môi trường đô thị; 2) là vai trò của đình trong việc đáp ứng những nhu cầu tâm linh và tạo lập các quan hệ xã hội; và 3) là sự tái định vị của đình khi đời sống tín ngưỡng ngày càng đan xen với quá trình di sản hóa và sự quản lý của Nhà nước

1.3 Khái niệm công cụ

- *Tín ngưỡng*: Hiện tượng văn hóa tổng hợp kết hợp niềm tin vào cái thiêng và hệ thống thực hành nghi lễ, phong tục do cộng đồng truyền nối.

- *Tín ngưỡng Thành hoàng và Bổn cảnh Thành hoàng Nam Bộ*: Mang các đặc trưng riêng biệt: phần lớn là không có điển tích, được công nhận qua sắc phong triều đình; lễ hội cầu an không có trò diễn tích thần; diễn xướng được nghi lễ và kiến trúc hóa; kiến trúc thích ứng với môi trường sông nước; hệ thống thờ tự mở, dung hợp đa tộc người.

- *Đời sống văn hóa - xã hội*: Phạm vi bao quát các thực hành, quan hệ xã hội, hình thức sinh hoạt cộng đồng mà qua đó cư dân tổ chức đời sống, giải tỏa lo âu và cố kết với nhau thông qua không gian đình.

- *Di sản văn hóa và Di sản sống*: Sự tích hợp giữa di sản vật thể (kiến trúc) và phi vật thể (nghi lễ). Giá trị thực sự của đình nằm ở sức sống liên tục, nơi cộng đồng giữ vai trò chủ thể sáng tạo, thực hành và tái tạo di sản trong lòng đô thị đương đại.

Tiểu kết Chương 1

Chương 1 xác lập 3 nhận định:

Đình làng đô thị không phải "tàn dư" quá khứ mà là một thiết chế văn hóa sống có khả năng tái tạo.

Sự tồn tại của đình chịu tác động đồng thời của chính sách Nhà nước, di sản hóa, đô thị hóa và nhu cầu tâm linh.

Cần chuyển hướng nghiên cứu từ mô tả truyền thống sang phân tích động thái vận hành, cơ chế thích ứng và sự tái cấu trúc giá trị của đình trong không gian đô thị TP.HCM đương đại.

Chương 2
ĐÌNH TÂN THỚI NHÌ VÀ ĐÌNH PHONG PHÚ TRONG TIẾN TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ BIẾN ĐỔI CỦA ĐÌNH LÀNG Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nội dung chương 2 đặt đình Tân Thới Nhì và đình Phong Phú trong bối cảnh rộng lớn của lịch sử hình thành, đặc điểm truyền thống và những biến đổi đương đại của hệ thống đình làng tại TP.HCM. Qua đó, chương này cung cấp nền tảng lịch sử - xã hội cho các phân tích về thực hành thờ tự, nghi lễ và phương thức tái cấu trúc di sản ở các chương tiếp theo.

2.1 Đình làng ở Thành phố Hồ Chí Minh: lịch sử hình thành và những đặc điểm cơ bản

2.1.1 Quá trình hình thành đình gắn với quá trình khai phá vùng đất Nam Bộ

Lịch sử đình làng Nam Bộ gắn liền với tiến trình mở cõi của lưu dân Việt từ mốc lịch sử năm 1698 (Lễ thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh kinh lược phương Nam). Đình ra đời như một điểm tựa tinh thần, thiết chế bảo vệ và kết nối cộng đồng. Sự cộng cư đa dạng giữa người Việt, người Hoa (với đình Gia Thạnh đường lập năm 1808), Cao Miên... tạo nên tính đa dạng tộc người ngay từ ngày đầu khai hoang mở cõi.

Đến thời Nguyễn, việc ban sắc phong (như sắc phong Tự Đức 1852 - 1853 tại đình Nam Chơn, đình Bình Hòa) đã chính thức đưa tín ngưỡng thờ Thành hoàng tại các ngôi đình làng Nam Bộ vào hệ thống quản lý nhà nước, xác lập vị trí chính thống của đình.

Chuyển biến qua các thời kỳ lịch sử:

Thời Pháp thuộc*:* Đình duy trì chức năng hành chính qua các đợt cải lương hương chính (1904) và tồn tại song song với các tín ngưỡng mới (Cao Đài, Hòa Hảo…).

Giai đoạn 1954 - 1975*:* Đình trở thành không gian sinh hoạt đa chức năng và là cơ sở bí mật phục vụ kháng chiến (tiêu biểu như đình Phong Phú).

Giai đoạn 1975 - 1986 và sau Đổi mới (1986)*:* Hoạt động tín ngưỡng từng rơi vào trầm lắng, nhiều đình bị chuyển đổi công năng. Từ sau Đổi mới (đặc biệt là Nghị quyết 24 năm 1990), các sinh hoạt tâm linh dân gian được khôi phục, tạo tiền đề cho công tác xếp hạng và xã hội hóa di sản.

2.1.2 Một số đặc trưng cơ bản của đình làng Nam Bộ

Từ những điều kiện hình thành và phát triển nêu trên, đình làng Nam Bộ nói chung và đình ở TP.HCM nói riêng có thể được nhận diện qua sáu đặc trưng cơ bản sau:

Thứ nhất, đình là thiết chế hành chính - xã hội của làng truyền thống. Đình từng là nơi hội họp của Hội đồng hương chức, quản lý công việc chung, giải quyết tranh chấp và duy trì trật tự làng xã. Chức năng này dần suy giảm từ giữa thế kỷ XX, nhường chỗ cho các hoạt động tín ngưỡng, sinh hoạt cộng đồng và bảo tồn di sản.

Thứ hai, đình thích ứng với sinh thái sông nước. Đình thường được xây dựng trên gò đất cao, ven sông rạch để thuận lợi cho giao thông đường thủy và tránh ngập lụt. Tại TP.HCM, hướng đình và cửa chính có sự điều chỉnh theo điều kiện địa hình, giao thông và quan niệm truyền thống.

Thứ ba, đình mang kiến trúc truyền thống, gắn với không gian nghi lễ và diễn xướng. Từ những công trình đơn sơ bằng vật liệu tại chỗ, đình dần được xây dựng kiên cố, phổ biến với bố cục chữ Công bên trong, chữ Quốc bên ngoài, một số đình còn tiếp nhận yếu tố kiến trúc Huế.

Thứ tư, đình có cấu trúc thờ tự đa thần, lấy Thành hoàng Bổn cảnh làm trung tâm. Bên cạnh Thành hoàng còn có các ban thờ Tả ban, Hữu ban, Tiền hiền, Hậu hiền, Ngũ Hành và các vị thần khác.

Thứ năm, đình tích hợp ký ức lịch sử - cách mạng vào không gian thiêng. Bàn thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh, các anh hùng liệt sĩ và những nhân vật lịch sử được thiết lập bên cạnh không gian thờ tự truyền thống, tạo nên sự đan xen giữa tín ngưỡng dân gian và ký ức lịch sử cộng đồng.

Thứ sáu, lịch lễ lấy Kỳ yên làm trung tâm và có sự điều chỉnh linh hoạt. Dưới tác động của đô thị hóa, các lễ gắn với chu kỳ nông nghiệp dần thu hẹp, nhiều đình tập trung duy trì Kỳ yên và điều chỉnh thời gian, lễ vật phù hợp với điều kiện hiện nay.

2.1.3. Đình ở TPHCM hiện nay - số lượng và hiện trạng bảo tồn

Số liệu thống kê: Từ 260 ngôi đình (năm 1992), 264 đình (năm 2001), đến nay TP.HCM gìn giữ hơn 300 ngôi đình. Số đình đã xếp hạng di tích (tính đến 2025) có 59 ngôi đình được xếp hạng (10 cấp Quốc gia bao gồm đình Phong Phú; 49 cấp Thành phố bao gồm đình Tân Thới Nhì). TP. Thủ Đức tập trung nhiều di tích đình nhất (12/59 ngôi đình).

Với góc nhìn lý thuyết, khoảng cách giữa hơn 300 ngôi đình thực tế trong đó có 59 đình được xếp hạng thể hiện sự tương tác giữa *"Diễn ngôn di sản chính thống"* (AHD - do nhà nước xác lập) và *"Di sản từ cộng đồng"*

(heritage from below - vận hành qua thực hành thường nhật của dân chúng).

2.2 Đình Tân Thới Nhì và đình Phong Phú qua những thăng trầm lịch sử

2.2.1 Nguồn gốc và lịch sử hình thành của đình Tân Thới Nhì

Nguồn gốc lập làng gắn với vùng đất "18 thôn vườn Trầu" Hóc Môn - Bà Điểm. Đình ghi nhận công ơn Tiền hiền Phạm Văn Quỳnh (khai khẩn) và Hậu hiền Cao Đức Lân (khai cơ).

Di dời không gian năm 1902, ban đầu dựng ven rạch Cầu Quan, năm 1902 đình được di dời về đầu chợ Hóc Môn trên đất do ông Trịnh Thiêm (Bang trưởng người Hoa Triều Châu) cúng hiến, đánh dấu bước chuyển sinh thái từ sông nước sang phố chợ và sự dung hợp Việt - Hoa.

Kiến trúc Cố đô Huế (1935): Đợt tái thiết năm 1935 mang lại nét kiến trúc kiểu "nhà xếp đọi" (5 nóc) và cặp Lầu Chuông - Lầu Trống ôm lấy võ ca theo phong cách Cố đô Huế.

Biến cố, gián đoạn và tự phục hồi (1975 - 1990)*:* Sau 1975, đình bị trưng dụng làm rạp chiếu phim, kho bãi… Đồ tự khí bị thất lạc. Các hoạt động tín ngưỡng tại đình không còn hoạt động trong thời gian này. Đến năm 1990, ngôi đình được trao trả lại cho cộng đồng, cư dân trong vùng tự huy động nguồn lực khôi phục lại đình. Đến năm 2000, BQT quyết định lập bàn thờ Bác Hồ tại Trung điện. Đình được xếp hạng Di tích cấp Thành phố năm 2005.

Hiện nay, đình còn lưu giữ sắc phong Thành hoàng bổn cảnh do vua Tự Đức ban ngày 29/11/1852. Đình hiện vận hành theo mô hình "Quản trị kép" (BQT tự quản phối hợp với chính quyền địa phương), mở rộng cộng đồng tham gia xóa bỏ ranh giới "chính cư - ngụ cư".

2.2.2 Đình Phong Phú qua những thăng trầm lịch sử

Đình được khởi dựng khoảng thời gian từ 1880 với vật liệu chính là tre lá và gỗ tạp. Đến năm 1937 đình được trùng tu lần đầu với các vật liệu kiên cố hơn, lợp mái ngói và giữ nguyên bộ khung cột - kèo gỗ cổ. Lúc này đình thành lập Hội Tương lân Quý tế chịu trách nhiệm quản lý tài sản, điều hành tế lễ, tương trợ lẫn nhau khi trong làng có hiếu hỷ, ốm đau. Đình nhận sắc phong vua Tự Đức năm 1852.

Chủ trương tiêu thổ kháng chiến (1945 - 1946): Tháng 8/1945, Đội Thanh niên Tiền phong tuyên thệ tại sân đình. Thực hiện "Tiêu thổ kháng chiến", đình bị tháo dỡ hoàn toàn; ngày 26/12/1946, 44 người dân bị giặc Pháp sát hại tại đây. Dưới Chính điện có căn hầm bí mật dài 100m thoát ra

Bung 6 xã, nuôi giấu nhiều cán bộ lãnh đạo.

Phục dựng và tái cấu trúc không gian: Phục dựng năm 1952, xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp Quốc gia năm 1993. Đợt đại trùng tu năm 2000 đã hoàn thiện toàn diện hạ tầng kỹ thuật, lát gạch toàn bộ sân đình. Nhà truyền thống được sửa chữa lại để đưa ban thờ Bác Hồ, các liệt sĩ địa phương, Đại tướng Võ Nguyên Giáp (2014) và di ảnh cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng (2024) vào thờ phụng trong khuôn viên đình.

Đình phụng thờ Thành hoàng bằng cốt tượng gỗ cao 2,5 m độc nhất tại TP.HCM. Hiện nay, đình Phong Phú vận hành theo cơ chế "Quản trị di sản dựa vào cộng đồng" kết hợp "Quản trị kép" giữa Hội Tương lân Quý tế và chính quyền. Thu hút 5 nhóm chủ thể tham gia (cư dân gốc, dân di cư/ngụ cư, thương nhân, thế hệ trẻ, cán bộ/du khách). Đình Phong Phú vừa là không gian thiêng theo nghĩa tôn giáo cổ truyền, vừa là một "địa chỉ đỏ" theo nghĩa chính trị - lịch sử, một cấu trúc ký ức đa tầng hiếm có trong hệ thống di tích tôn giáo - tín ngưỡng của Việt Nam.

2.3. Từ làng đến đô thị: bối cảnh đương đại của đình Tân Thới Nhì và đình Phong Phú

2.3.1 Bối cảnh đô thị hóa và sự chuyển đổi không gian xã hội tại Hóc Môn và Thành phố Thủ Đức

Tại huyện Hóc Môn, không gian văn hóa lịch sử vốn gắn liền với danh xưng "18 thôn Vườn Trầu" - không gian sinh hoạt nông nghiệp trù phú từ thời triều Nguyễn với nghề trồng trầu, cau, mía và lúa nước đã trải qua quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa mạnh mẽ từ cuối thập niên 1990. Dân số tăng nhanh (tăng 55,34% giai đoạn 2009 - 2019), diện tích đất nông nghiệp và kênh rạch bị thu hẹp.

TP. Thủ Đức là khu vực có tốc độ đô thị hóa nhanh theo quá trình sáp nhập hành chính (thành lập TP. Thủ Đức năm 2021), là mô hình "thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương" đầu tiên của cả nước. Đình Phong Phú nằm sát Khu Công nghệ cao TPHCM, biến không gian quanh đình thành vùng "rìa đô thị" (*the edge*) điển hình với mật độ dân số tăng vọt.

2.3.2 Biến đổi thành phần dân cư, sinh kế và sự suy giảm các yếu tố làng xã cổ truyền

Sự chuyển dịch của bối cảnh địa lý - kinh tế dưới tác động của cơn lốc đô thị hóa đã dẫn đến những biến đổi sâu sắc trong cấu trúc dân cư, mô hình cư trú và sinh kế của cư dân bản địa. Cư dân gốc chuyển từ nông - lâm nghiệp sang tiểu thương, công nhân, kinh doanh dịch vụ. Nhịp sống công

nghiệp làm thay đổi quỹ thời gian, buộc BQT đình phải linh hoạt điều chỉnh thời gian tế lễ.

Song song với sự chuyển đổi sinh kế là sự suy thoái của các định chế làng xã cổ truyền. Hội đồng hương chức và các lễ tiết nông nghiệp (Hạ điền, Cầu bông) suy giảm. Ký ức tập thể (*collective memory*) đóng vai trò "mạch ngầm" duy trì sức sống di sản và nối dài các nghi thức truyền thống giữa lòng đô thị.

2.3.3 Sự biến đổi không gian và cảnh quan xung quanh hai ngôi đình

Đình Tân Thới Nhì được di dời từ rạch Cầu Quan lên khu thương mại (chợ Hóc Môn), tọa lạc giữa trung tâm thị trấn sầm uất, gắn liền với hạ tầng phố chợ.

Đình Phong Phú vẫn giữ được không gian sinh thái biệt lập rộng 4,2 ha rợp bóng cây cổ thụ, tạo khoảng lặng xanh giữa đô thị công nghệ cao.

2.3.4 Tái cấu trúc cộng đồng: Quan hệ giữa cư dân tại chỗ và dân nhập cư trong thực hành di sản

Xóa bỏ ranh giới "chính cư - ngụ cư"; cư dân di cư, tiểu thương, cán bộ hưu trí được kết nạp vào Hội đình và BQT.

Sự đan xen giữa nhu cầu tâm linh thường nhật (xét qua hình thức dán "giấy đỏ" cầu nguyện) và ký ức lịch sử cách mạng thu hút đa dạng các nhóm xã hội đến với hai ngôi đình.

2.3.5 Vị thế pháp lý, cơ chế "Quản trị kép" và chiến lược tái cấu trúc di sản trong xã hội đương đại

Vị thế pháp lý của hai ngôi đình đã được xác lập từ khá sớm thông qua các quyết định xếp hạng di tích của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Mọi hoạt động bảo vệ, quản lý và phát huy giá trị của hai di tích nói trên đều chịu sự điều chỉnh của Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15.

Cơ chế "Quản trị kép" kết hợp giữa Nhà nước (quản lý hành chính) và BQT/Hội Tương lân Quý tế (tự quản tâm linh), tương ứng với mô hình "quản trị tài nguyên chung" (*governing the commons*). Biến di sản đình làng thành một "tài sản chung văn hóa" (*cultural commons*) sống động.

Tiểu kết chương 2

Đình làng ở TPHCM là một "hệ sinh thái văn hóa sống", liên tục được cộng đồng tiếp biến và tái cấu trúc. Trường hợp đình Tân Thới Nhì và đình Phong Phú chứng minh sức sống bền bỉ của di sản từ cộng đồng, năng lực tự phục hồi và khả năng tích hợp linh hoạt giữa tín ngưỡng dân gian với ký ức lịch sử cách mạng trong bối cảnh đô thị hóa đương đại.

Chương 3
THỜ TỰ VÀ CÁC THỰC HÀNH TÍN NGƯỠNG TẠI ĐÌNH TÂN THỚI NHÌ VÀ ĐÌNH PHONG PHÚ

Nội dung chương 3 sẽ đi sâu trình bày và phân tích vị trí, vai trò cũng như những biến đổi của đình trong đời sống đương đại ở TPHCM, tập trung vào sự tiếp nối và biến đổi của các thực hành tín ngưỡng, vai trò của đình trong đời sống xã hội và cộng đồng, cũng như vị trí của đình như một không gian đáp ứng những nhu cầu tâm linh ngày càng đa dạng của cư dân đô thị.

3.1 Đình và sự duy trì các nền tảng tín ngưỡng truyền thống

3.1.1 Hệ thống thần linh và sự tiếp nối cấu trúc thờ tự cổ truyền

Đình làng Nam Bộ không chỉ thờ Thành hoàng mà còn là nơi quy tụ nhiều đối tượng thờ cúng khác nhau, phản ánh lịch sử và đời sống tín ngưỡng của cộng đồng. Cấu trúc thờ tự cổ truyền duy trì trật tự nhất định: Thành hoàng ở vị trí trung tâm, xung quanh là Tiền hiền, Hậu hiền và các vị thần bảo trợ. Trải qua nhiều biến động lịch sử và các lần trùng tu, cấu trúc này vẫn được duy trì rõ nét tại đình Phong Phú và đình Tân Thới Nhì.

Danh tính Thành hoàng ở đình Phong Phú chưa được xác định rõ (đang tồn tại hai giả thuyết là tướng Tây Sơn Nguyễn Hóa hoặc tướng Gia Long Đỗ Thành Nhân). Dù lai lịch mơ hồ nhưng sự linh thiêng của vị thần không hề suy giảm. Thần được thờ bằng tượng cốt trong khám thờ cao khoảng 2,5 m trên bệ cao 1 m, hai bên có Tả ban, Hữu ban thờ quan văn, quan võ. Vị thế trung tâm được duy trì nhờ thực hành, tế lễ và sự công nhận của cộng đồng.

Lai lịch Thành hoàng ở đình Tân Thới Nhì rõ ràng hơn nhờ sắc phong năm 1852 của vua Tự Đức (xếp vào nhóm nhiên thần). Bản gốc bị thất lạc năm 1945, hiện thờ bản sao. Văn bản sắc phong cung cấp căn cứ cụ thể để cộng đồng nhận diện vị thần.

Hai trường hợp thể hiện hai cách thức duy trì vị thế Thành hoàng: một bên thiên về tiếp nối thực hành/ký ức cộng đồng, một bên dựa vào văn bản sắc phong. Tuy nhiên, ở cả hai nơi, Thành hoàng đều giữ vị trí cao nhất và là điểm quy tụ chính của đời sống tín ngưỡng.

Bên cạnh Thành hoàng, một lớp thờ tự quan trọng khác hiện diện ở cả hai ngôi đình là Tiền hiền và Hậu hiền. Nếu Thành hoàng đại diện cho quyền năng bảo trợ đối với cộng đồng thì Tiền hiền, Hậu hiền lại gắn với ký ức về những con người cụ thể đã góp phần hình thành và duy trì đời sống

của làng. Ý nghĩa của việc thờ cúng không chỉ tưởng nhớ người đi trước mà còn là cách cộng đồng kể lại lịch sử hình thành, lưu giữ ký ức xã hội và kết nối quá khứ với hiện tại.

Ra khỏi chính điện, không gian sân đình và các miếu phụ tiếp tục mở rộng hệ thống thờ tự sang những vị thần gắn trực tiếp với các điều kiện căn bản của đời sống.

Ngũ hành nương nương: Đảm nhiệm vai trò bảo trợ các yếu tố tự nhiên (Kim - Mộc - Thủy - Hỏa - Thổ). Đình Phong Phú thờ tượng cốt 5 màu trong miếu riêng; đình Tân Thới Nhì thờ tại các ban trước sân.

Thần Nông: Vị thần bảo trợ sản xuất nông nghiệp, vẫn được duy trì dù bối cảnh kinh tế đã chuyển sang phi nông nghiệp (được giữ lại như một phần cấu trúc ký ức).

Thần Hổ: Trấn giữ không gian đình, mang biểu tượng bảo vệ và lưu giữ ký ức sâu sắc về thời kỳ khai hoang đối đầu với tự nhiên.

Bạch Mã Thái Giám tôn thần: Thờ tại miếu bên trái sân đình Phong Phú, thể hiện trật tự thần linh có thứ bậc, phụ trợ cho Thành hoàng.

Ngoài ra, ở hai ngôi đình còn đều tiếp nhận thêm những nhân vật và ký ức thuộc về các giai đoạn lịch sử. Đình Phong Phú đưa Bác Hồ, di ảnh Đại tướng Võ Nguyên Giáp, cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng vào điện thờ; xây dựng Nhà truyền thống thờ các liệt sĩ cách mạng. Tương tự, đình Tân Thới Nhì cũng đưa tượng Chủ tịch Hồ Chí Minh vào trung điện (năm 2000) và ban thờ chiến sĩ trận vong.

Như vậy, có thể nói sự tiếp nối tín ngưỡng mang tính chọn lọc và tích lũy. Các yếu tố mới không xóa bỏ các lớp cũ mà được đặt thêm vào, giúp ngôi đình vừa bảo lưu cấu trúc cốt lõi vừa thích ứng với đời sống đương đại.

3.1.2 Thực hành tế lễ trong đời sống nghi lễ đương đại

Đời sống nghi lễ vừa duy trì truyền thống vừa liên tục được điều chỉnh. Một số nghi lễ nông nghiệp bị giản lược hoặc bãi bỏ do sinh kế thay đổi, trong khi các kỳ lễ trung tâm vẫn giữ vai trò nòng cốt. Trong số các thực hành nghi lễ hiện còn được duy trì tại đình Tân Thới Nhì và đình Phong Phú trong bối cảnh đương đại, Kỳ yên giữ vị trí trung tâm và cũng là kỳ tế quan trọng nhất trong năm.

3.1.2.1 Kỳ yên - nghi lễ trung tâm của đình

Kỳ yên (hay lễ Cầu an) là nghi lễ quan trọng và lớn nhất trong năm ở cả hai đình, là thời điểm ngôi đình thực sự trở thành trung tâm của đời sống

cộng đồng.

Thời gian và tần suất tổ chức:

Đình Tân Thới Nhì: Diễn trình gốc kéo dài 4 ngày, nay rút xuống 3 ngày. Áp dụng lệ Tam niên đáo lệ (2 năm cúng thường, năm thứ 3 tổ chức Đại Bội có rước đoàn hát Bội) để tiết kiệm kinh phí. Hát Bội được quan niệm là "diễn cho Ông coi" (phụng thần) trước khi phục vụ cộng đồng.

Đình Phong Phú: Diễn ra vào giữa tháng 11 âm lịch, chính lễ trong 2 ngày (14 và 15). Hát Bội được duy trì hằng năm từ 1993 nhờ tiền phước sương và đóng góp của nhân dân, đình bạn. Kỳ yên cũng là dịp tổng kết tài chính năm của BQT.

Việc chuẩn bị diễn ra trước nhiều ngày, bao gồm lau dọn không gian, trang hoàng, dựng bếp, làm hậu cần. Người dân coi đây là "việc đình", việc chung của làng xóm. Lực lượng công quả tự nguyện (đặc biệt là phụ nữ phụ trách hậu cần/bếp núc) đóng vai trò sống còn cho sự vận hành của kỳ lễ.

Ban Tế tự gồm có Chánh bái, Bồi bái, Đông hiến, Tây hiến (thường là cao niên có uy tín); Chấp sự, Thị lập, Thầy lễ, Học trò lễ, Đào thài. Điều đáng chú ý là sự phân công trong Kỳ yên cũng phản ánh khá rõ sự phân chia giới trong đời sống đình. Nam giới chủ yếu đảm nhiệm các vị trí trực tiếp liên quan đến tế lễ, chiêng trống và tiếp khách, trong khi phụ nữ tập trung nhiều hơn ở khu vực nhà bếp, chuẩn bị thức ăn, đồ dâng cúng và những bữa tiệc đãi khách. Với trang phục trong khi thực hành nghi lễ (áo thụng, khăn xếp, áo dài đồng phục) đánh dấu sự chuyển đổi từ nhịp sinh hoạt thường ngày sang một trật tự nghi lễ khác của đình

Nhiều nghi thức cốt lõi tại đình vẫn được duy trì nhưng có sự điều chỉnh để thích ứng với điều kiện thực tế. Lễ Thỉnh Sanh (hiến sinh), vốn đòi hỏi chọn vật tế khắt khe và nghi thức Ẩm mao huyết, nay được đơn giản hóa. Đình Tân Thới Nhì thuê lò mổ xử lý trước rồi mang heo sạch về dâng lễ để phù hợp với sức khỏe của các vị cao tuổi trong BQT, còn đình Phong Phú chuyển giờ cúng từ đêm sang 10 giờ sáng. Lễ Túc Yết - tế Thành hoàng trước rồi đến các vị phối thờ - cũng khác nhau giữa hai đình do điều kiện lịch sử. Bên cạnh đó, cách thức sắp mâm hay dâng mâm lễ theo quy định truyền thống vẫn tuân thủ khắt khe cho từng bàn thờ (thịt tươi/thịt chín, mâm ấu/mâm trệt, ba tuần rượu một tuần trà, đĩa tam sên...). Riêng nghi thức Xây chầu và hát Bội được lồng ghép thêm Hồ Quảng, Cải lương nhằm tăng sức hấp dẫn với thế hệ trẻ.

Đời sống xã hội, sự thụ lộc và mạng lưới giao tế:

Mỗi đợt lễ Kỳ yên ở hai ngôi đình thu hút hàng nghìn người tham dự, đãi hàng trăm mâm cơm, tạo nên đời sống xã hội sôi động quanh đình. Thức ăn dâng cúng sau đó trở thành "lộc Ông/lộc Thần", hình thành chu trình trao - nhận tâm linh giữa người dân và Thành hoàng, đồng thời củng cố sự gắn kết cộng đồng. Ngoài ra, đình còn mở rộng mạng lưới giao tế liên vùng, như đình Tân Thới Nhì kết nối với hơn 45 đình, miếu, chùa lân cận qua việc trao - hồi đáp lễ vật, cho thấy vai trò của đình như một mắt xích trong hệ thống quan hệ văn hóa - tín ngưỡng rộng lớn hơn.

3.1.2.2 Thờ cúng thường nhật và các thực hành nghi lễ định kỳ khác

Lịch cúng theo chu kỳ năm tại Đình Tân Thới Nhì:

Các mốc thời gian: Đưa Thành hoàng (25 tháng Chạp / Lễ Dựng nêu), Rước Thần (30 tháng Chạp), Khai hạ (mồng 7 tháng Giêng / Hạ nêu).

Thực hành cá nhân: Người dân đến thắp hương sau Giao thừa hoặc vào Rằm/Mồng một để cầu an, tạ ơn (như trường hợp tiểu thương cầu buôn bán đắt hàng).

Sự suy giảm lễ nông nghiệp: Các lễ Thượng điền, Hạ điền, Cầu Bông, cúng Thần Nông dần bị loại bỏ hoặc đơn giản hóa từ năm 1991 do cư dân không còn làm nông, chuyển sang buôn bán, công chức.

Lịch cúng định kỳ tại Đình Phong Phú:

Duy trì nhiều kỳ "cúng thường" trong năm: Tống Phong (10/4 âm lịch), Vía Quan Thánh (16/6), Vía Bà Ngũ Hành (18/10), cúng Thần Nông (tháng 1, 5, 7) và cúng Âm binh/Cô hồn (tháng 1, 7, 10). Các dịp cúng thường này diễn ra gọn nhẹ, BQT không tổ chức tế tập thể lớn, người dân tự đến dâng hương.

Bổ sung các nghi lễ tưởng niệm hiện đại:

Lễ Thương binh Liệt sĩ (27/7 dương lịch): Trở thành lễ tiết cố định tại đình Phong Phú thu hút 150 - 200 người (đặc biệt là các gia đình chính sách, cựu chiến binh) tự nguyện đóng góp, chế biến món ăn đến cúng và họp mặt.

Như vậy, thay vì một hệ thống nghi lễ được bảo lưu nguyên vẹn từ quá khứ, đời sống nghi lễ tại hai đình cho thấy một quá trình tiếp nối luôn đi cùng với những điều chỉnh trong hiện tại. Các nghi lễ gắn với sản xuất nông nghiệp thu hẹp; các ngày vía giữ ở mức giản lược; trong khi các nghi lễ tưởng niệm lịch sử mới được bổ sung. Sự linh hoạt này giúp các ngôi đình duy trì vị trí là thiết chế tín ngưỡng "sống" trong lòng đô thị đương đại.

3.2 Các chủ thể và sự tổ chức thực hành nghi lễ tại đình

Hiện nay, BQT đình Tân Thới Nhì có 8 người cùng Hội đình (64 hội viên). Tiêu chuẩn thành viên đòi hỏi uy tín, nguồn gốc lâu năm và mang yếu tố tâm linh "được Ông chấp nhận". BQT đình Phong Phú gồm 7 người. Ranh giới "chính cư - ngụ cư" được xóa bỏ, người từ nơi khác đến có tâm và uy tín đều có thể tham gia BQT.

Vào những ngày lễ Kỳ yên, người dân tự nguyện đóng góp sức lao động (nấu ăn, dọn dẹp, tiếp khách) như một hình thức "làm công quả cho Ông". Phụ nữ ngày càng tham gia sâu hơn vào các hoạt động và tổ chức của đình (như hội viên Hội đình tại Tân Thới Nhì).

Nguồn tài chính duy trì các hoạt động tại đình đến từ tiền phước sương, tiền cúng trả lễ, đóng góp của doanh nghiệp địa phương, dịch vụ mặt bằng/bãi xe (ở Tân Thới Nhì) và kinh phí hỗ trợ bảo tồn di sản của nhà nước. BQT sử dụng một phần kinh phí cho các hoạt động từ thiện, xã hội.

Trong cơ cấu nhân sự, ở đình Phong Phú có thành viên BQT đình là cán bộ phụ trách công tác văn hóa - xã hội phường tham gia. Đình Tân Thới Nhì, quan hệ với cơ quan nhà nước lại thể hiện rõ qua khoản kinh phí được cấp hằng năm cho việc bảo vệ và duy trì di tích. Công việc của BQT hai đình hiện nay, vì thế, bao gồm cả những việc liên quan đến thờ cúng và tế lễ, quản lý tiền bạc, điều phối người làm công quả, tiếp các đình bạn, thực hiện các hoạt động từ thiện và làm việc với cơ quan chính quyền

3.3 Những nhu cầu và thực hành tâm linh tại đình

3.3.1 Sự linh ứng và mối quan hệ giữa con người với thần linh

Người dân tin Thành hoàng là một quyền năng đang hiện diện thực sự, vừa bảo hộ vừa trừng phạt hành vi sai trái. Niềm tin này được củng cố qua ký ức và trải nghiệm linh ứng: chuyện Thành hoàng giúp các cá nhân thực hiện được mong muốn của mình (bán đất, thi đậu...), sự tích đình không bị phá hủy trong chiến tranh, hay thực hành chui qua bụng ông Ngựa (Bạch Mã) để cầu sức khỏe.

Bước vào không gian đình, người dân thường cảm nhận sự nhẹ nhõm, bình an, và gửi gắm "lòng thành" qua lễ vật dâng cúng. Đáng chú ý, niềm tin vào Thần luôn được tách biệt khỏi đánh giá về BQT dù có thể không hài lòng với cách vận hành của một vài thành viên trong Ban nhưng người dân vẫn giữ trọn niềm tin tín ngưỡng đối với Thành hoàng.

3.3.2 Cầu xin, trả lễ và những mong cầu trong đời sống đương đại

Nội dung cầu xin trước Thành hoàng ngày nay đã mở rộng vượt xa cầu

bình an truyền thống, phản ánh sinh động những mối bận tâm rất đô thị: mua bán nhà đất được giá, giải quyết tranh chấp tài sản, chữa bệnh, thi cử, học bổng du học, việc làm, tài lộc... Đằng sau đó là một chu trình "cầu xin - trả lễ" mang tính cam kết tâm linh rõ ràng, khi tâm nguyện thành hiện thực, người dân quay lại tạ lễ, thậm chí đóng góp kinh phí xây dựng, tu bổ đình. Đây là một hình thức "đáp lễ" củng cố mối liên kết bền chặt giữa con người và thần linh.

Giới trẻ như học sinh cũng tìm đến đình, dán giấy báo thi, giấy cầu ước dưới khám thờ để mong đạt kết quả cao trong học đường, cho thấy sức lan tỏa của tín ngưỡng này qua nhiều thế hệ. Đối tượng đi lễ vì thế cũng không còn bó hẹp trong cư dân địa phương mà mở rộng đến khách vãng lai, tiểu thương, người từ nơi khác và cả kiều bào ở nước ngoài. Chính tính chất cởi mở, không giới luật khắt khe đã giúp tín ngưỡng đình làng trở thành một chỗ dựa tinh thần gần gũi, thiết thực, nơi con người đô thị hiện đại tìm đến để giải tỏa những bất an và lo toan của cuộc sống thường nhật.

Tiểu kết chương 3

Chương 3 khẳng định đình Tân Thới Nhì và đình Phong Phú không phải là những di tích cố định bị đóng khung trong quá khứ. Bằng khả năng “tiếp nối có chọn lọc” và “thích ứng linh hoạt”, hai ngôi đình tiếp tục tái tạo ý nghĩa, đáp ứng các nhu cầu xã hội - tâm linh mới, qua đó duy trì vị trí trung tâm trong đời sống văn hóa, tín ngưỡng của cộng đồng cư dân đô thị TPHCM hiện nay.

Chương 4: ĐÌNH TÂN THỚI NHÌ VÀ ĐÌNH PHONG PHÚ TRONG ĐỜI SỐNG ĐÔ THỊ ĐƯƠNG ĐẠI: TIẾP NỐI, TÁI CẤU TRÚC VÀ THÍCH ỨNG

4.1 Sự tiếp nối và tái cấu trúc của đình như một thiết chế tín ngưỡng trong bối cảnh hiện đại và đô thị hoá

Sự duy trì thiết chế tín ngưỡng trong bối cảnh cơ sở xã hội thay đổi. Quá trình đô thị hóa khiến làng nông nghiệp truyền thống đã không còn, nhưng đình Tân Thới Nhì và Phong Phú không bị đứt đoạn hay thu hẹp hoàn toàn mà trải qua quá trình tiếp nối và tái cấu trúc.

Một số chức năng quản lý xã hội trước đây gắn với đình, cùng các nghi lễ mang tính thuần nông đã dần bị thu hẹp. Tuy nhiên, đình vẫn giữ được vai trò trung tâm tín ngưỡng, và mối quan hệ cốt lõi giữa con người với Thành hoàng cùng thế giới thiêng tiếp tục được bảo lưu qua thời gian.

Sự tiếp nối này, tuy nhiên, không đồng nghĩa với việc bảo lưu nguyên trạng một cách cứng nhắc, mà thể hiện qua khả năng linh hoạt điều chỉnh hình thức thực hành nghi lễ. Người làm "việc đình", trong quá trình duy trì tín ngưỡng, đã chủ động phân định giữa những yếu tố có thể linh hoạt thay đổi và những yếu tố buộc phải giữ nguyên theo "lệ cũ". Chẳng hạn, tại đình Tân Thới Nhì, việc giết mổ vật hiến sinh trong Lễ Thỉnh sanh nay được chuyển ra thực hiện tại cơ sở bên ngoài, xuất phát từ điều kiện sức khỏe của BQT vốn đã cao tuổi cũng như các quy định vệ sinh đô thị hiện hành; dù vậy, những quy chuẩn về chọn lựa vật tế, cách làm sạch và trình tự dâng lễ tại đình vẫn được tuân thủ hết sức nghiêm ngặt.

Tương tự, tại đình Phong Phú, giờ hành lễ đã được chuyển từ nửa đêm sang một khung giờ thuận tiện hơn, phù hợp với nhịp sống hiện đại của những người tham gia thực hành tín ngưỡng tại đình. Trong lĩnh vực nghệ thuật nghi lễ, hát Bội cũng được pha trộn thêm các loại hình như Cải lương, Hồ Quảng nhằm thu hút sự quan tâm của giới trẻ, song bản chất thiêng liêng của nghi lễ vẫn được bảo toàn thông qua quan niệm hát "cho Ông coi", tức xem Thành hoàng là chủ thể thực sự thưởng thức buổi diễn.

Điều đáng chú ý là toàn bộ những tri thức nghi lễ nói trên không tồn tại dưới dạng văn bản quy định cứng nhắc, mà được truyền khẩu và tích lũy dần qua kinh nghiệm thực hành, tiếp nối từ thế hệ này sang thế hệ khác.

4.2 Đình trong đời sống tâm linh và các quan hệ xã hội đương đại

Nhu cầu tâm linh của người dân đến với đình đã mở rộng đáng kể so với

trước, từ những lời cầu "mưa thuận gió hòa, mùa màng" mang tính nông nghiệp sang các vấn đề rất cụ thể của đời sống đô thị (sức khỏe, công việc, buôn bán, kinh doanh, thi cử, học bổng, mua bán nhà đất, tranh chấp pháp lý...). Những tờ cầu ước và phiếu dự thi của học sinh dán tại đình Phong Phú là minh chứng sinh động cho việc những bất định của hệ thống giáo dục hay thị trường được đưa vào không gian thiêng để tìm kiếm sự an tâm. Qua đó, Thành hoàng tiếp tục hiện diện trong đời sống đương đại theo cách tiếp cận "tôn giáo sống" (lived religion).

Quan hệ giữa con người với thần linh vận hành theo chu trình cầu xin - ứng nghiệm - trả lễ/công đức/công quả. Trường hợp người phụ nữ có căn nhà tranh chấp ở Quận 3, sau khi cầu xin và bán được nhà với giá trị lớn, đã quay lại hỗ trợ kinh phí xây mới toàn bộ khu công trình phụ cho đình Phong Phú là một ví dụ tiêu biểu. Qua chu trình này, các nguồn lực tài chính, vật chất và sức lao động từ xã hội đô thị, khi đi qua niềm tin tín ngưỡng, đã được chuyển hóa thành nguồn lực thiết thực cho việc tu bổ và duy trì hoạt động của đình.

Cộng đồng thực hành tín ngưỡng tại đình không còn giới hạn ở cư dân gốc hay địa giới hành chính làng xưa, mà mở rộng đến nhiều nhóm đối tượng khác nhau: khách vãng lai (như người Hoa Chợ Lớn đến xin xăm), người dân đã chuyển đi nơi khác, hay Việt kiều gửi tiền công đức từ xa. Đặc biệt, lễ Kỳ yên tạo nên những trường quan hệ xã hội đa tầng, việc cùng làm công quả (nấu ăn, dọn dẹp) giúp củng cố sự gắn kết cộng đồng; bữa ăn thụ "lộc Ông" sau lễ trở thành không gian kết nối giữa người với người; còn mạng lưới "đình bạn" tương hỗ qua lại giữa các địa phương góp phần duy trì liên kết xã hội vượt ra ngoài ranh giới của một cộng đồng đô thị đơn lẻ.

4.3 Di sản hóa và sự tái định vị của đình

Bên cạnh đời sống thực hành tại đình, vị trí của đình còn cần được xem xét từ chính sách và quản lý văn hóa của Nhà nước. Từ sau 1975, các thực hành gắn với đình từng bị đặt trong quan hệ căng thẳng với ranh giới "tín ngưỡng" - "mê tín"; từ sau Đổi mới, đặc biệt sau Nghị quyết TW 5 khóa VIII (1998), tôn giáo tín ngưỡng dần được thừa nhận là bộ phận của văn hóa dân tộc, đình được đặt trong ngôn ngữ "bảo tồn", "bản sắc", "di sản". Hệ thống chính sách từ đó được hoàn thiện qua Luật Di sản văn hóa (2001, 2009, 2024), Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo (2004, 2016), Nghị quyết 33-NQ/TW (2014), Nghị định 110/2018/NĐ-CP..., đưa đình vào một hệ thống phân loại, định giá và quản trị mới.

Theo khái niệm Authorized Heritage Discourse của Laurajane Smith (2006), di sản không phải giá trị tự thân chờ phát hiện mà được tạo ra qua quá trình lựa chọn, xác nhận và trao quyền. Xếp hạng di tích không làm Thành hoàng thiêng hơn, nhưng bổ sung cho đình một "thẩm quyền của di sản" bên cạnh thẩm quyền thiêng vốn có. Trong bối cảnh đô thị hóa, tư cách di tích đem lại cho đình sự bảo vệ pháp lý và tính chính danh trước áp lực đất đai - đây là điểm gặp giữa lợi ích của nhà nước và nhu cầu của cộng đồng, chứ không đơn thuần là sự áp đặt từ trên xuống.

Tuy nhiên, việc trở thành di sản cũng là quá trình lựa chọn và sắp xếp lại giá trị, những gì được xem là lịch sử, kiến trúc, truyền thống được giữ lại, trong khi thực hành như xin xăm ở đình Phong Phú bị vận động chấm dứt sau khi đình thành di tích quốc gia cho thấy ranh giới "tín ngưỡng" - "mê tín" - "di sản" không cố định mà dịch chuyển theo cách đình được định giá và quản lý.

Quan hệ nhà nước - cộng đồng vận hành qua vô số thương lượng nhỏ hằng ngày (BQT, chính quyền, người dân) nhằm dung hòa giữa yêu cầu bảo tồn và nhu cầu sinh hoạt thực tế (bếp, nhà vệ sinh, không gian hát Bội...). Từ đó, khái niệm "tái định vị" được đề xuất thay cho cách hiểu đơn giản về "chuyển đổi chức năng": di sản hóa không biến đình từ thiết chế tín ngưỡng thành thiết chế di sản, mà đặt đình vào những quan hệ và khuôn khổ quản lý mới, nơi tín ngưỡng và di sản cùng tồn tại, đan xen. Đình vừa được vận hành bằng luật pháp, hồ sơ, tiêu chuẩn bảo tồn, vừa tiếp tục sống qua kỳ tế, lời cầu xin, công quả và niềm tin của người dân - một quá trình xã hội liên tục làm lại ý nghĩa, thẩm quyền và vị trí của đình trong đời sống đô thị đương đại.

Tiểu kết Chương 4

Sự hiện diện của đình Tân Thới Nhì và Phong Phú trong đô thị đương đại là kết quả của quá trình vừa tiếp nối vừa tái cấu trúc, thích ứng. Dù cơ sở xã hội cũ thay đổi sâu sắc, nhiều chức năng thu hẹp và nghi lễ được điều chỉnh, quan hệ cốt lõi giữa con người với Thành hoàng vẫn được duy trì.

Những điều chỉnh về thời gian, hình thức tổ chức lễ hội Kỳ yên không làm suy giảm mà chính là điều kiện để tín ngưỡng tiếp tục tồn tại. Phạm vi hoạt động các hoạt động tín ngưỡng tại đình cũng không còn dành riêng cho cộng đồng tại chỗ, khi các nhu cầu đô thị (sức khỏe, học hành, công việc, nhà đất...) được đưa vào quan hệ với Thành hoàng, qua đó đình vừa đáp ứng nhu cầu tâm linh vừa tạo lập quan hệ xã hội giữa những người có

nguồn gốc, mức độ gắn bó khác nhau.

Đồng thời, đình vừa là thiết chế tín ngưỡng đang sống, vừa được tái định vị như di sản văn hóa trong quan hệ với nhà nước - di sản hóa mang lại sự công nhận, nguồn lực mới nhưng cũng đem theo cách định giá, quản lý mới. Qua đó, đô thị hóa không đẩy đình ra khỏi đời sống xã hội mà tạo điều kiện để đình được thực hành và làm lại theo cách mới. Sự tiếp nối của đình không nằm ở tính bất biến, mà ở khả năng vừa duy trì giá trị được trao truyền, vừa tái cấu trúc để thích ứng với những nhu cầu và điều kiện mới của đời sống đô thị.

KẾT LUẬN

Đình làng từng là nơi thờ Thành hoàng, thực hành nghi lễ cộng đồng, gắn với tổ chức xã hội và ký ức làng. Ở TPHCM hiện nay, những điều kiện ấy đã thay đổi: cộng đồng cư trú thay đổi, nông nghiệp thu hẹp, chức năng quản lý chuyển sang thiết chế hành chính, đình ngày càng được quản lý như di sản. Qua nghiên cứu hai trường hợp: đình Tân Thới Nhì và đình Phong Phú, luận án rút ra năm luận điểm chính.

1. Đình TPHCM mang đặc trưng riêng: Thành hoàng Bổn cảnh phần lớn không có thần tích, cấu trúc thờ tự mở, hát Bội gắn với không gian thiêng. Ở hai đình có nền giao thoa văn hóa Việt - Hoa nổi bật. Vị trí của mỗi đình do lịch sử, vị thế di tích và quan hệ cụ thể định hình, không theo một mô hình chung.

2. Tín ngưỡng được tiếp nối qua tái cấu trúc. Thành hoàng và Kỳ yên vẫn giữ vị trí trung tâm, nhưng nghi lễ được người thực hành chủ động điều chỉnh. Tiếp nối là giữ các quan hệ cốt lõi, không phải giữ nguyên hình thức.

3. Sự bảo hộ của Thành hoàng mở rộng sang kinh doanh, nhà đất, pháp lý, học hành. Tín ngưỡng không đối lập với hiện đại mà là một phần trong cách con người ứng xử với những bất định của đời sống hiện đại.

4. Qua các hoạt động công đức, công quả và Kỳ yên, đình tạo lập các quan hệ xã hội vượt khỏi địa vực lưu trú hành chính. Vì vậy, "cộng đồng của đình" được hình thành qua quan hệ và thực hành hơn là vị trí cư trú.

5. Quá trình "di sản hóa" tái định vị đình trong cơ chế "quản trị kép". Quá trình này vừa đem lại công nhận và nguồn lực, vừa lựa chọn, loại trừ một số thực hành. Các giá trị tín ngưỡng, ký ức và di tích chồng lớp chứ không thay thế nhau.

Tóm lại, sức sống của đình nằm ở khả năng đi qua thay đổi mà vẫn duy trì những quan hệ khiến con người cần đến nó. Đình là một thiết chế đang sống, nơi truyền thống được liên tục thực hành, thương thỏa và tái tạo trong lòng đô thị đương đại.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

1. Lê Thị Hồng Nhung (2023), "Những nhân tố ảnh hưởng đến sự biến đổi của đình làng truyền thống ở thành phố Hồ Chí Minh hiện nay", Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật, (số 530), tháng 4 năm 2023, tr 23 - 27.
2. Lê Thị Hồng Nhung (2023), "Đình Tân Thới Nhì trong văn hóa tín ngưỡng ở thành phố Hồ Chí Minh hiện nay", Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật, (số 539), tháng 7 năm 2023, tr 27 - 30.
3. Lê Thị Hồng Nhung (2025), "Tín ngưỡng thờ thần trong đình làng ở Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay", Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam, (số 1(205)), tháng 1 năm 2025, tr 107 - 117.